

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 269/2018/DS-ST
Ngày: 16-8-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thế Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bông Hương

Ông Nguyễn Văn Tiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 429/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “hợp đồng vay tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2018/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; địa chỉ: Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M, Giấy ủy quyền ngày 02/01/2018. (xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông A, sinh năm 1977; Nơi cư trú cuối cùng: Đường M, phường N, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 12/7/2012, ông A ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông A, Ngân hàng đã đồng ý

cấp thẻ tín dụng sử dụng với hạn mức 40.000.000 đồng, lãi suất 2.5%/tháng đối với thẻ Family. Sau khi được cấp thẻ, ông A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền cộng dồn 347.700.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở trả nợ ông A không có thiện chí trả đầy đủ các khoản nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang thành nợ quá hạn ngày 23/11/2013. Tổng số tiền ông A đã thanh toán cho Ngân hàng là 314.859.166 đồng. Tuy nhiên trong quá trình giao dịch, ông A chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên số tiền mà ông A thanh toán được Ngân hàng trừ vào tiền lãi và phí trước, sau đó mới trừ vào nợ gốc theo quy định tại hợp đồng tín dụng. Do đó, tính đến ngày 23/11/2013 thì ông A thực tế chưa thanh toán cho Ngân hàng 45.290.958 đồng nợ gốc.

Vì ông A vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông A thanh toán số tiền nợ gốc 45.290.958 đồng và tiền lãi chậm trả cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng tín dụng, tạm tính đến ngày 16/8/2018 là 97.828.992 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là ông A không có lời khai tại Tòa án, vắng mặt khi Tòa án triệu tập làm việc, hòa giải và xét xử.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải, bị đơn vắng mặt liên tiếp hai lần mặc dù đã được thông báo, triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về nợ gốc và tiền lãi quá hạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện Ngân hàng khởi kiện yêu cầu tòa án buộc ông A trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng ngày 12/7/2012. Theo xác minh của Công An phường N, quận Tân Phú thì “Ông A có hộ khẩu thường trú tại số: Đường M, phường N, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ năm 2015 đến nay định cư tại Mỹ”. Ngày 23/11/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định chuyển vụ án số 1537/2017/QĐS-ST xác định thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Tân Phú. Xét thấy, ông A đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho phía nguyên đơn và chính quyền địa phương là trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung. Xét đây là tranh chấp hợp đồng, cụ thể là hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35 và Điểm a, Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng ông A vắng mặt không rõ lý do, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông A thanh toán số tiền nợ gốc 45.290.958 đồng và và tiền lãi chậm trả cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng tín dụng, tạm tính đến ngày 16/8/2018 là 97.828.992 đồng.

Ông A không có lời khai tại Tòa án, không cung cấp bất kỳ chứng cứ, tài liệu phản bác yêu cầu của nguyên đơn, vắng mặt khi được Tòa án triệu tập làm việc, hòa giải và tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập họp lệ. Do đó, Tòa án căn cứ vào yêu cầu, các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp để giải quyết vụ án.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (ông A ký ngày 06/7/2012, Ngân hàng phê duyệt ngày 12/7/2012) và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S được áp dụng từ ngày 02/9/2013, Tóm tắt sao kê, Nguyên tắc tính lãi, phí của thẻ Family do Ngân hàng cung cấp thể hiện: Ông A đã ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, hạn mức 40.000.000 đồng, lãi suất 2.5%/tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân; ông A đã thực hiện các giao dịch bằng thẻ tín dụng với số tiền cộng dồn 347.700.000 đồng, ông A đã thanh toán cho Ngân hàng là 314.859.166 đồng. Số tiền thanh toán được trừ vào tiền lãi và phí thanh toán trễ hạn trước khi được trừ vào nợ gốc như thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nên tính đến ngày 23/11/2013, ông A chưa thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 45.290.958 đồng. Từ ngày 23/11/2013 đến nay, ông A không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông A trả nợ gốc 45.290.958 đồng và tiền lãi theo lãi suất quá hạn được thỏa thuận tại hợp đồng là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại điều Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tiền lãi chậm trả theo thỏa thuận tại Bảng Nguyên tắc tính lãi, phí của thẻ tín dụng, Điều 22 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S từ ngày 23/11/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/8/2018) là:

$$45.290.958 \text{ đồng} \times (2.5\%/\text{tháng} \times 150\%)/30 \times 1727 \text{ ngày} = 97.828.992 \text{ đồng}.$$

Từ ngày 17/8/2018 cho đến khi trả hết nợ, ông A còn có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng TMCP S phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (ông A ký ngày 06/7/2012, Ngân hàng phê duyệt ngày 12/7/2012) và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 02/9/2013.

Về thời hạn thanh toán: Vì bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nên yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí: Vì toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.155.997 đồng.

[5] Các kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung của vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điều a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điều a Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 290, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông A có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc 45.290.958 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 16/8/2018 là 97.828.992 đồng, tổng cộng là 143.119.950 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực.

Từ ngày 17/8/2018 cho đến khi trả hết nợ, ông A còn có nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng TMCP S phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (ông A ký ngày 06/7/2012, Ngân hàng phê duyệt ngày 12/7/2012) và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được áp dụng từ ngày 02/9/2013.

2. Về án phí: Ông A phải chịu 7.155.997 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP S 2.813.710 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0026326 ngày 20/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Ngân hàng TMCP S, ông A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- THADS Q.Tân Phú;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký
Đỗ Thế Đông**